TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 28/2021/QĐST-DS	Q, *ngày 28 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, điều 213, điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2021 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 39/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I/. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP B (LBank)**

Trụ sở chính: Tòa nhà C, số 109 T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Doãn S;** Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP B. *Đại diện theo ủy quyền:* Ông **Nguyễn Tiến V**; Chức vụ: Giám đốc Ngân Hàng TMCP B - Chi nhánh Đ - Phòng giao dịch H *(Theo Giấy ủy quyền số: 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 của ông Phạm Doãn S). Người được ủy quyền lại:* Ông **Phan Lạc Quyết T**; Chức vụ: Chuyên viên khách hàng Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Đ - Phòng giao dịch H *(Theo Giấy ủy quyền số: 307/2021/UQ-LBank ngày 10 tháng 6 năm 2021 của ông Nguyễn Tiến V).*

Bị đơn:

1- Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1989.

2- Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1990.

Đều trú tại: Xóm 4, thôn T, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Cháu **Trần Thế B**, sinh năm 2013;

2- Cháu **Trần Thị Thùy L**, sinh năm 2014;

3- Cháu **Trần Thị Mai A**, sinh năm 2016;

4- Cháu **Trần Thế N**, sinh năm 2017.

Đại diện theo pháp luật của cháu B, cháu L, cháu A, cháu N là ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H.

Đều trú tại: Xóm 4, thôn T, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội.

II/ Sự thỏa thuận cụ thể của các đương sự như sau:

1/- Ngân hàng TMCP B và ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị H đều xác nhận Hợp đồng tín dụng số HDTD1232018361 ngày 18/5/2018 giữa Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Đ -Phòng giao dịch H với ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H thì tính đến ngày 12/6/2021 tổng dư nợ khoản vay của ông T, bà H còn nợ Ngân hàng, cụ thể như sau:

- Nợ gốc: **902.252.471** đồng *(Chín trăm lẻ hai triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn, bốn trăm bảy mươi mốt đồng)*.

- Nợ lãi trong hạn: **10.688.151** đồng *(Mười triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn, một trăm năm mươi mốt đồng)*.

- Nợ lãi quá hạn: **269.334.690** đồng *(Hai trăm sáu mươi chín triệu, ba trăm ba mươi tư nghìn, sáu trăm chín mươi đồng)*.

→ Tổng nợ: **1.182.275.312** đồng *(Một tỷ, một trăm tám mươi hai triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm mười hai đồng)*.

2/- Hai bên thống nhất phương án trả nợ như sau:

Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày Quyết định/Bản án có hiệu lực pháp luật ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi theo 03 kỳ như sau:

- Chậm nhất đến hết ngày 31/7/2021, ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền tối thiểu 20.000.000 đồng;

- Chậm nhất đến hết ngày 31/8/2021, ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền tối thiểu 20.000.000 đồng;

- Chậm nhất đến hết ngày 30/9/2021, ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H thanh toán trả toàn bộ số tiền gốc và lãi còn lại.

Nếu quá thời hạn trên ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ số tiền nợ nêu trên, thì Ngân hàng được quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Tài sản bảo đảm là: *Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 12, diện tích: 266,4m^2; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn; Thời hạn sử dụng: Lâu dài; tại địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BT 120840, số vào số cấp GCN: CS-QO 00289 do Sở tài nguyên môi trường, thành phố Hà Nội cấp ngày 09/12/2015, đứng tên ông Trần Văn T.*

Ông T cam đoan toàn bộ tài sản trên thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của ông. Hiện vợ chồng ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H vẫn đang sử dụng và quản lý, không có tranh chấp.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm nêu trên được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi trả hết khoản nợ cho Ngân hàng, nếu thừa Ngân hàng trả lại cho ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H.

3/- Trong khoảng thời gian ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H chưa thanh toán hết cho Ngân hàng TMCP B toàn bộ khoản nợ thì gia đình ông Trần Văn T cam kết giữ gìn tài sản bảo đảm nguyên trạng như hợp đồng thế chấp đã ký và phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi khi Ngân hàng thực hiện kiểm tra tài sản bảo đảm.

4/- Kể từ ngày 13/6/2021, ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H còn phải chịu lãi suất theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HDTD1232018361 ngày 18/5/2018 phát sinh trên dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán toàn bộ khoản nợ.

(Trong trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh về lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất

mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh theo lãi suất của Ngân hàng cho vay).

5/- Về án phí: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H chịu toàn bộ án phí Dân sự theo quy định của pháp luật là 23.734.000 đồng *(Hai mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi tư nghìn đồng)*. Do hoàn cảnh khó khăn, miễn cho ông T bà H 6.000.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Ông T, bà H còn phải chịu 17.734.000 đồng *(Mười bảy triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn đồng)*

Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ngân hàng số tiền 21.153.000 đồng *(Hai mươi mốt triệu, một trăm năm mươi ba nghìn đồng)* đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000088 ngày 16/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

Ngân hàng TMCP B chịu toàn bộ chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Thanh